

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLEI
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày: 30/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Khang, ông Phan Thanh Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Khuất Thế Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST – HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2021/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Vi Quốc T; tên gọi khác; Vi Quốc Tịnh; sinh năm 1972 tại Nghệ An; nơi cư trú: Bản L, xã L, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Vi Văn M (Đã chết) và bà Lương Thị L (Đã chết); bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/8/2002, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; ngày 04/7/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 20 (Hai mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 24/5/2007 bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 10/12/2019 thì được trả tự do. Ngày 28/4/2021, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội bắt theo Quyết định truy nã số 19 ngày 08/6/2020 của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/4/2021 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Y H; sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin vắng mặt).

+ Lường Văn T; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 10/2019, trong quá trình làm thuê tại thành phố Đà Nẵng, Vi Quốc T đã mua 03 (Ba) gói thuốc nổ, trọng lượng khoảng 600 gam, 17 (Mười bảy) kíp điện và 02 (Hai) cục Pin nhãn hiệu Con Thỏ của một người đàn ông (*Chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể*) với mục đích khi nào có dịp thì sử dụng để đánh bắt cá. Sau khi mua được, sợ bị thấm nước nên T đã dùng ni lông gói lại và cất giấu trong ba lô của T. Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 03/12/2019, T mang theo ba lô, bên trong ba lô có 03 (Ba) gói thuốc nổ, 17 (Mười bảy) kíp điện và 02 (Hai) cục Pin nhãn hiệu Con Thỏ mà T đã mua được trước đó đón xe khách từ thành phố Đà Nẵng về huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum để thăm Y N (*Sinh năm 1984; trú tại: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; là người sống chung như vợ chồng với T*). Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến tuyến đường Quốc lộ 14, đoạn thuộc địa phận thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, T xuống xe và đi bộ về thôn R, xã Đ; khi đang đi thì T gặp Lường Văn T (*Sinh năm 1990; trú tại: Thôn Nủ Kon, xã Đăk Môn, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum*) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82N1-032.64, T xin đi nhờ về thôn Ri Mệt thì Thuận đồng ý. Khi đi đến đoạn đường thuộc thôn Nủ Kon, xã Đăk Môn thì tổ công tác của Công an huyện Đăk Glei phối hợp với Công an xã Đăk Môn yêu cầu dừng xe kiểm tra. Quá trình kiểm tra, phát hiện trong ba lô của T có vật được bọc bằng ni lông màu xanh. Khi tổ công tác yêu cầu T mở ra để kiểm tra thì T cầm tang vật bỏ chạy được khoảng 03 (Ba) mét thì T vứt bỏ tang vật rồi tiếp tục chạy nhưng bị tổ công tác truy đuổi, bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vi Quốc T về hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ; đồng thời tạm giữ, niêm phong đồ vật có liên quan.

Ngày 04/12/2019, Công an xã Đăk Môn đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận giám định số 1200/C09C(Đ4) ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: 03 (Ba) vật trụ tròn, vỏ giấy màu nâu, trên thân có dòng chữ “AD1.032.200gam.21” đánh số 1, 2, 3 gửi giám định đều là vật liệu nổ và còn sử dụng được; tổng khối lượng mẫu là 600 gam. 17 (Mười bảy) vật trụ tròn, vỏ bằng kim loại, màu trắng; một đầu có gắn hai đoạn dây điện màu đỏ, màu vàng (*Mỗi đoạn dây điện dài 1,9 mét*) gửi giám định

đều là vật liệu nổ và còn sử dụng được; các vật này có tính năng, tác dụng là kích nổ thuốc nổ.

Cáo trạng số: 11/CT - VKS ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glei truy tố bị cáo Vi Quốc T về tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glei giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 305, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Vi Quốc T từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/4/2021 và được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 10/12/2019.

Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 305 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) cục Pin nhãn hiệu Con Thỏ, cao 5,7cm, đường kính 3,3cm; 03 (Ba) vật trụ trụ tròn, bọc bằng giấy màu nâu, chiều cao mỗi vật là 25cm, đường kính 3,2cm, trên mỗi vật có chữ “AD1.Ø32.200gam.21” (được đánh số từ 01 đến 03) có khối lượng sau khi giám định là 580 gam và 17 (Mười bảy) vật trụ tròn bằng kim loại, màu trắng cao 4,2cm, đường kính 0,7cm, một đầu được nối hai sợi dây điện màu đỏ, màu vàng, dài 1,9 mét.

Đối với 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân số 186539797 mang tên Vi Quốc T: Qua điều tra xác định đây là giấy tờ nhân thân của Vi Quốc T cần tạm giữ cho đến khi bị cáo chấp hành xong án hình phạt tù.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen: Qua điều tra xác định đây là chiếc điện thoại di động của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc và không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, Biển kiểm soát 82N1-03264: Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của của Lường Văn T và Y H, không liên quan đến vụ án, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho Lường Văn T nên không đề cập.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Gle; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Do có ý định sử dụng thuốc nổ để đánh bắt cá nên khoảng tháng 10/2019, Vi Quốc T đã mua 03 (Ba) gói thuốc nổ, 17 (Mười bảy) kíp điện và 02 (Hai) cục pin nhãn hiệu Con Thỏ của một người đàn ông (*Chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể*) tại thành phố Đà Nẵng. Sau khi mua được, T dùng ni lông màu xanh gói lại và cất giấu trong ba lô của T. Đến ngày 03/12/2019, khi T đang mang theo số vật liệu nổ trên đi đến thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum thì bị tổ công tác Công an huyện Đăk Gle và Công an xã Đăk Môn kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ, niêm phong đồ vật có liên quan.

Kết luận giám định số 1200/C09C (Đ4) ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: 03 (Ba) vật trụ tròn, vỏ dầy màu nâu, trên thân có dòng chữ “AD1.Ø32.200gam.21” đánh số 1, 2, 3 gửi giám định đều là vật liệu nổ và còn sử dụng được; tổng khối lượng là 600gam. 17 (Mười bảy) vật trụ tròn, vỏ bằng kim loại, màu trắng; một đầu có gắn hai đoạn dây điện màu đỏ, màu vàng (*Mỗi đoạn dây điện dài 1,9 mét*) gửi giám định đều là vật liệu nổ và còn sử dụng được; các vật này có tính năng, tác dụng là kích nổ thuốc nổ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Vi Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội **“Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”** theo quy định tại khoản 1 Điều 305 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Gle truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quy định độc quyền của các cơ quan Nhà nước về chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng và quản lý vật liệu nổ. Việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng vật liệu nổ có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của con người, phá hủy tài sản, môi trường, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn

cố Tthực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội do mình thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có 03 tiền án, đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy chứng tỏ bị cáo là người coi thường, bất chấp pháp luật, không chịu cải tạo để hoàn lương mà tự rút ra bài học trong quá khứ để sửa chữa lỗi lầm của bản thân mà vào tù ra tội. Vì vậy, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự để cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các Ttiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu; ngày 22/8/2002, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 30 (*Ba mươi*) tháng tù về tội Cố ý gây thương tích; ngày 04/7/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 20 (*Hai mươi*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 24/5/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xử phạt 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã được xóa án tích.

Về Ttiết tăng nặng: Bị cáo không có T tiết tăng nặng

Về Ttiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên được hưởng Ttiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, do đó Hội đồng xét xử thấy không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 305 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 (*Hai*) cục Pin nhãn hiệu Con Thỏ, cao 5,7cm, đường kính 3,3cm là đồ vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 03 (*Ba*) vật trụ trụ tròn, bọc bằng giấy màu nâu, chiều cao mỗi vật là 25cm, đường kính 3,2cm, trên mỗi vật có chữ “AD1.Ø32.200gam.21” (*được đánh số từ 01 đến 03*) có khối lượng sau khi giám định là 580 gam và 17 (*Mười bảy*) vật trụ tròn bằng kim loại, màu trắng cao 4,2cm, đường kính 0,7cm, một đầu được nối hai sợi dây điện màu đỏ, màu vàng, dài 1,9 mét là vật cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (*Một*) giấy Chứng minh nhân dân số 186539797 mang tên Vi Quốc T: Qua điều tra xác định đây là giấy tờ nhân thân của Vi Quốc T, căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân tiếp tục tạm giữ cho đến khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen: Qua điều tra xác định đây là chiếc điện thoại di động của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện liên lạc và không liên quan đến vụ án nên xét thấy cần trả lại cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen bạc, Biển kiểm soát 82N1-03264: Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của Lường Văn Thuận và Y Hiền, không liên quan đến vụ án, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho Lường Văn T quản lý, sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Đối với Lường Văn T và Y N: Quá trình điều tra xác định Lường Văn T và Y N không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm đối với Lường Văn T và Y N.

[8]. Đối với đối tượng đã bán vật liệu nổ cho Vi Quốc T: Trong quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum không có cơ sở để xem xét xử lý trong vụ án. Vì vậy, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào xác minh rõ sẽ đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo Vi Quốc T bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Vi Quốc T; tên gọi khác: Vi Quốc T phạm tội ***“Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”***

Căn cứ: Khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Vi Quốc T; tên gọi khác: Vi Quốc T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 28/4/2021 và được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 10/12/2019.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy:

03 (Ba) vật trụ trụ tròn, bọc bằng giấy màu nâu, chiều cao mỗi vật là 25cm, đường kính 3,2cm, trên mỗi vật có chữ “AD1.032.200gam.21” (được đánh số từ 01 đến 03) có khối lượng sau khi giám định là 580 gam và 17 (Mười bảy) vật trụ tròn bằng kim loại, màu trắng cao 4,2cm, đường kính 0,7cm, một đầu được nối hai sợi dây điện màu đỏ, màu vàng, dài 1,9 mét. Giao Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum xử lý theo quy định.

(Vật chứng có đặc điểm nhận dạng như tại Biên bản mở niêm phong, giao nhận đồ vật tài liệu giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum ngày 30 tháng 12 năm 2019)

02 (Hai) cục Pin nhãn hiệu Con Thỏ cao 5,7cm, đường kính 3,3cm.

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định số: 05/1999/NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về Chứng minh nhân dân; tạm giữ 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân số 186539797 mang tên Vi Quốc T. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tạm giữ. Bị cáo được nhận lại Chứng minh nhân dân khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Trả lại cho bị cáo 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màu đen

(Vật chứng có đặc điểm nhận dạng như tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glei ngày 17/9/2021)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vi Quốc T; tên gọi khác: Vi Quốc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2021). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Glei;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Trình

